TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 5 - 2023
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các vị Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Tươi
2. Ông Hà Bảo Hiền

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Lợi - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023. Về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Kiều Tr, sinh năm 2000 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp Bào Sơn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Tạ Minh S, sinh năm 2000 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Ông Định, xã Viên An, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2023 và các lời khai của nguyên đơn chị Hồ Kiều Tr trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi và anh S có tổ chức làm đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 24/22/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Ân Tây, huyện N, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân giữa tôi và anh S là hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lệch lạc, mặc dù giữa tôi và vợ tôi củng tìm đủ cách để hòa hợp với nhau để cuộc sống hạnh phúc, nhưng vẫn không có hiệu quả. Cuộc sống giữa vợ chồng

không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tạ Minh S.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 người con tên Tạ Minh Khang, sinh ngày 17/02/2021. Hiện nay con đang sống chung với anh S, sau khi ly hôn anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Tạ Minh S, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh S biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2023 nhưng anh S không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập hợp lệ anh S để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh S không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Tr. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng anh S vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh S theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Tạ Minh S có nơi cư trú trên địa bàn huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Hồ Kiều Tr khởi kiện xin ly hôn với anh Tạ Minh S nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Ân Tây, huyện N, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đối với anh S, Tòa án đã triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh S vắng mặt không lý do, đồng thời anh S cũng không có văn bản về ý kiến của mình gửi đến Tòa án chứng tỏ anh S đồng ý với yêu cầu của chị Tr. Hội đồng xét xử xét

thấy, chị Tr và anh S đã ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay thời gian dài nhưng anh S không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Tr được ly hôn với anh S là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Tr trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Tạ Minh Khang, sinh ngày 17/02/2021 hiện đang sống chung với anh S. Sau khi ly hôn chị Tr yêu cầu tiếp tục giao con cho anh S nuôi con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo cuộc sống cho cháu Khang thì anh S có đủ điều kiện. Xét thấy, các cháu Khang đã sống chung với anh S từ nhỏ, ổn định cuộc sống, tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với chị Tr là mẹ của cháu Khang vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Tr và anh S không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Tr trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh S không ý kiến gì nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản thì chị Tr và anh S có quyền khởi kiện thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[5] Về nợ chung: Chị Tr trình bày vợ chồng không có nợ chung, anh S không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngy 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hồ Kiều Tr được ly hôn với anh Tạ Minh S.

- Về con chung: Giao cho anh Tạ Minh S được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tạ Minh Khang, sinh ngày 17/02/2021. Chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hồ Kiều Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Tr phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị Tr có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0020339 ngày 28/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc niêm yết công khai bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện N;*
- *THADS huyện N;*
- *Các Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Huỳnh Minh Tính